TÓM TẮT BÁO CÁO GIÁM SÁT
"VIỆC THỰC HIỆN CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTA) MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN"

I. Tổng quan các hoạt động hội nhập của VCCI

Trong những năm qua, VCCI đã có rất nhiều các hoạt động tích cực và hiệu quả nhằm thực hiện chức năng tham mưu cho Đảng và Nhà nước về các chính sách, định hướng liên quan đến hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân cả nước; xúc tiến thương mại, đầu tư, tư vấn hỗ trợ, bảo vệ, nâng cao năng lực cho cộng đồng doanh nghiệp, và là đầu mối quan trọng trong thúc đẩy tiến trình hội nhập sâu rộng của Việt Nam vào kinh tế khu vực và thế giới.

Về mảng hội nhập và xúc tiến thương mại – đầu tư quốc tế, trong giai đoạn vừa qua (khoảng 05 năm trở lại đây), VCCI đã triển khai các nhóm hoạt động liên quan nổi bật sau đây:

- *Tham gia xây dựng chính sách đối ngoại*

- Tham mưu, đóng góp ý kiến cho Đảng và Nhà nước các vấn đề pháp lý và chính sách kinh tế nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hội nhập quốc tế
- Trực tiếp hoặc tham gia góp ý kiến với các đoàn đàm phán, đàm phán, ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế phù hợp với qui định của Nhà nước
- Có ý kiến tham mưu cho Đảng và Nhà nước về các cơ chế đối ngoại mới, đặc thù nhằm đảm bảo nền độc lập, tự chủ của Việt Nam, an ninh, an toàn của đất nước trong bối cảnh hiện nay liên quan đến các tổ chức khác nhau của doanh nghiệp

- *Thiết lập quan hệ và tham gia vào việc kiến tạo các cơ chế hợp tác quốc tế về kinh tế*

- Tham gia và đóng vai trò tích cực trong hoạt động của các tổ chức quốc tế nhằm kết nối, thúc đẩy hợp tác đầu tư, thương mại giữa doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài (ICC, ASEAN CCI, APEC CEO Summit, …)
- Thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức xúc tiến thương mại, đầu tư của các quốc gia và vùng lãnh thổ hay các Phòng Thương mại, Liên đoàn công nghiệp, Liên đoàn giới chủ tại các nước
- Giữ vai trò Chủ tịch luân phiên của các tổ chức, các mô hình hợp tác chung về kinh tế theo cơ chế đa phương hoặc song phương (ASEAN, APEC, ASEM…)

- Chủ tịch VCCI được bầu là Thành viên Ban lãnh đạo Liên đoàn các Phòng Thương mại Thế giới, Đồng Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp Đông Á (EABC), Đồng Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp Mekong-Hàn Quốc…

- *Trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại*

- Là cơ quan trực tiếp chủ trì tổ chức các sự kiện đối ngoại về kinh tế quan trọng của đất nước khi Việt Nam giữ vai trò chủ nhà (APEC CEO Summit, Doing Business with Vietnam, WEF chủ đề ASEAN…)
- Tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn, cuộc họp, gặp gỡ, hội thảo có sự tham gia của đối tác nước ngoài
- Tổ chức và quản lý các đoàn doanh nghiệp ra nước ngoài (đoàn ra), đón tiếp các đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào)
- Đón và làm việc với các đoàn khách quốc tế

II. Kết quả thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên

1. Kết quả hoạt động thực thi của VCCI và sự phối hợp của cơ quan Nhà nước liên quan

Hoạt động	Kết quả	Phối hợp của cơ quan Nhà nước
Tham vấn trong quá trình đàm phán FTA	Bản tham vấn, khuyến nghị phương án đàm phán với **09 FTA** (mỗi FTA có thể có nhiều Bản tham vấn) Tham gia 05 cuộc họp tham vấn phương án mở cửa thị trường hàng hóa trong TPP, EVFTA, FTA VN-EAEU	- Đoàn đàm phán họp với VCCI về 03/07 Khuyến nghị của VCCI về TPP - Bộ Tài chính mời VCCI tham gia các cuộc họp tham vấn bản chào thuế
Tham vấn trong quá trình phê chuẩn, nội luật hóa FTA	- **09 Báo cáo rà soát** tính tương thích của hệ thống pháp luật VN với cam kết CPTPP, EVFTA - Có bản **góp ý cho tất cả các dự thảo** VBQPPL liên quan đến phê chuẩn, thực thi CPTPP mà Cơ quan soạn thảo gửi lấy ý kiến VCCI - Tham gia và **có ý kiến tại tất cả các buổi họp thẩm định, thẩm tra** về các dự thảo VBQPPL phê chuẩn, thực thi FTA mà VCCI được mời	- Không cơ quan nào cung cấp thông tin, tham vấn VCCI trong rà soát pháp luật theo FTA - VCCI chỉ được tham vấn với các hồ sơ phê chuẩn, thực thi FTA

Cung cấp thông tin, phổ biến tuyên truyền, tư vấn	03 Cổng thông tin (06 phiên bản), trong đó có Cổng FTA www.trungtamwto.vn - 66,7 triệu lượt truy cập - Hơn 47.000 tài liệu đăng tải 98 Ấn phẩm về FTA 206 Sự kiện chủ trì tổ chức, 85 Sự kiện (tham gia trình bày) Hàng trăm cuộc phỏng vấn, talkshow, bản tin chuyên đề, bài báo, phóng sự FTA trên các Báo, Tạp chí của VCCI (Diễn đàn doanh nghiệp, Vietnam Business Forum…) và Báo đài khác Khoảng 100 tư vấn/năm về FTA cho doanh nghiệp, các đối tượng khác	Cơ quan đàm phán giúp bình luận nội dung cho dự thảo 07 ấn phẩm của VCCI
Hoạt động khác	05 Điều tra (04 Điều tra kết hợp PCI) Rà soát các dự thảo VBQPPL từ góc độ cam kết quốc tế (WTO, FTA) Nghiên cứu khác	

2. Đánh giá về việc thực thi các FTA bởi các cơ quan Nhà nước

Yếu tố đánh giá	FTA truyền thống	FTA thế hệ mới toàn diện (CPTPP, EVFTA)
1. Văn bản quy phạm pháp luật		
Tính thống nhất	Cơ bản thống nhất	Cơ bản thống nhất
Tính kịp thời	Cơ bản kịp thời	CPTPP: Ngoại trừ các vấn đề về lao động, so với yêu cầu của các cam kết thì: - Tất cả các VBQPPL mà Việt Nam đã ban hành đều chậm hơn cam kết (từ 1-11 tháng) - Hiện vẫn có văn bản chưa ban hành trong khi lẽ ra phải có từ 14/1/2019 EVFTA: Dù chưa có hiệu lực nhưng Dự thảo Thông tư hướng dẫn về Quy tắc xuất xứ cho hàng

		xuất khẩu và Nghị định về Biểu thuế ưu đãi đặc biệt đã được triển khai lấy ý kiến
Tính hợp lý, khả thi	Một số vướng mắc về hồ sơ chứng nhận C/O ưu đãi Việc giải quyết còn chậm, chưa linh hoạt, đôi khi thiếu hợp tác	- Đã có một số phản ánh về bất cập trong thực hiện quy định về chứng nhận xuất xứ CPTPP (cho hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu); - Các cam kết về mở cửa dịch vụ trong CPTPP gây nhiều cách hiểu khác nhau giữa doanh nghiệp và cơ quan ở địa phương, nhưng không có văn bản hướng dẫn nào (do được liệt kê vào Nhóm được áp dụng trực tiếp trong Nghị quyết 72/2018/QH14). Các tư vấn, giải thích cam kết của các cán bộ, cơ quan quản lý Nhà nước cũng chỉ có giá trị tham khảo, có thể không thống nhất, và không có giá trị pháp lý chính thức.
2. Kế hoạch thực thi FTA (văn bản điều hành)		
Tính kịp thời	Không có	- Chính phủ ban hành Kế hoạch thực thi CPTPP ngay sau khi Quốc hội phê chuẩn - Theo Kế hoạch trên, tất cả các Bộ, ngành, địa phương (cấp tỉnh) phải có kế hoạch thực hiện của riêng mình trong tháng 3/2019. Tuy nhiên, phải tới 8/2019 yêu cầu này mới được hoàn tất bởi tất cả các bộ ngành, địa phương (chậm 5 tháng).
Tính hợp lý, khả thi	Không có	- Kế hoạch về VBQPPL: Chỉ có kế hoạch để thực thi các cam kết cụ thể, không có kế hoạch cho nhưng việc thuộc nhu cầu nội tại của Việt Nam - Nhiều hoạt động chung chung, không gắn trực tiếp với CPTPP hay sử dụng động lực, sức ép từ CPTPP
3. Phổ biến tuyên truyền, cung cấp thông tin		
Cách thức	Chủ yếu là các sự kiện (hội thảo, lớp học, tọa đàm) tập trung vào một số thời điểm nhất định (ký, có hiệu lực)	Chủ yếu là các hội thảo, hội nghị chung, một số khóa đào tạo chuyên sâu - Tần suất thực hiện nhiều hơn so với các FTA trước - Tuy nhiên vẫn chủ yếu tập trung vào một vài thời điểm nhất định, chưa được thực hiện thường xuyên

Sản phẩm	- Rất ít ấn phẩm, website, đầu mối thông tin để tra cứu thường xuyên, lâu dài - Công cụ tra cứu thuế FTA của Tổng cục Hải quan - Nhiều cam kết ASEAN, ASEAN+ không có thông tin về văn kiện chính thức, thời điểm có hiệu lực, cách thức áp dụng cam kết…	- Website về CPTPP (từ 5/2019) và EVFTA - Chưa có ấn phẩm nào hướng dẫn cụ thể về CPTPP - EVFTA cho doanh nghiệp - Chưa có đầu mối thông tin, tư vấn chính thức về CPTPP, EVFTA trong tổng thể cũng như từng lĩnh vực (hiện doanh nghiệp nếu cần chỉ liên hệ với cơ quan đàm phán, nếu biết là cơ quan nào) - Một số văn kiện chính thức vẫn chưa thể tiếp cận đầy đủ (ví dụ các Thư song phương trong CPTPP)

3. Đánh giá về từ các FTA của Việt Nam

(i) Đối với nhóm FTA truyền thống

Các FTA nhóm này chủ yếu là về thương mại hàng hóa, vì vậy tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu tận dụng FTA phản ánh một phần đáng kể khả năng tận dụng FTA của doanh nghiệp.

Theo số liệu từ Bộ Công Thương thì:

- Đa số FTA có tỷ lệ tận dụng các ưu đãi thuế quan (của hàng xuất khẩu Việt Nam) được cải thiện dần qua các năm (năm sau cao hơn năm trước)
- Trong tổng thể tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan xuất khẩu vẫn còn tương đối thấp (năm 2018 trung bình 39%)
- Một số FTA (ACFTA, AKFTA-VKFTA) có tỷ lệ tận dụng biến động (tăng cao một số năm sau đó lại giảm sâu) – điều này có thể là dấu hiệu cho thấy có thể việc tận dụng các FTA không hẳn là do doanh nghiệp đã điều chỉnh nguồn cung và quy trình sản xuất đáp ứng quy tắc xuất xứ của FTA liên quan

Nhìn từ góc độ xuất nhập khẩu, doanh nghiệp đã được hưởng lợi từ các ưu đãi thuế quan trong các FTA. Tuy nhiên, lợi ích được hưởng còn hạn chế đáng kể so với tiềm năng.

(ii) Đối với CPTPP

CPTPP mới có hiệu lực được 01 năm, và những sửa đổi thể chế mới chỉ ở lộ trình đầu tiên, do đó chưa thể đánh giá tác động của CPTPP trong tổng thể.

Hiện mới chỉ có thể đánh giá tác động của CPTPP từ góc độ xuất nhập khẩu và tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan, cụ thể:

- Tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan: Năm 2019 chỉ đạt dưới 2%
- Kim ngạch xuất khẩu: Năm 2019 tăng 7,2% so với 2018 (thấp hơn mức tăng 8,4% của kim ngạch xuất khẩu nói chung).

  Xuất khẩu tăng trưởng cao ở các thị trường mới (Canada, Mexico) nhưng giảm tốc ở phần lớn các thị trường đã có FTA trước CPTPP (ví dụ Nhật Bản), thậm chí giảm về số tuyệt đối, chuyển từ xuất siêu sang nhập siêu (như Australia).

4. Khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong thực thi các FTA

4.1.Hiện trạng hiểu biết và sự sẵn sàng của doanh nghiệp trước các FTA

Theo Khảo sát 8.600 doanh nghiệp dân doanh Việt Nam (trong khuôn khổ Điều tra PCI) do VCCI công bố 3/2019 thì các doanh nghiệp Việt Nam còn nhận thức khá hạn chế về các FTA mặc dù hầu hết đều đã "nghe nói" tới các FTA này.

Tỷ lệ các doanh nghiệp có hiểu biết nhất định về các FTA tiêu biểu (đã tìm hiểu một số cam kết hoặc đã tìm hiểu kỹ) chỉ là thiểu số (kể cả FTA lớn như CPTPP), cao nhất là AEC cũng chỉ là 37%. Tỷ lệ các doanh nghiệp có hiểu biết sâu về các FTA hầu như rất nhỏ, thấp nhất là với FTA giữa Việt Nam và EAEU (1%), cao nhất là với AEC (3%).

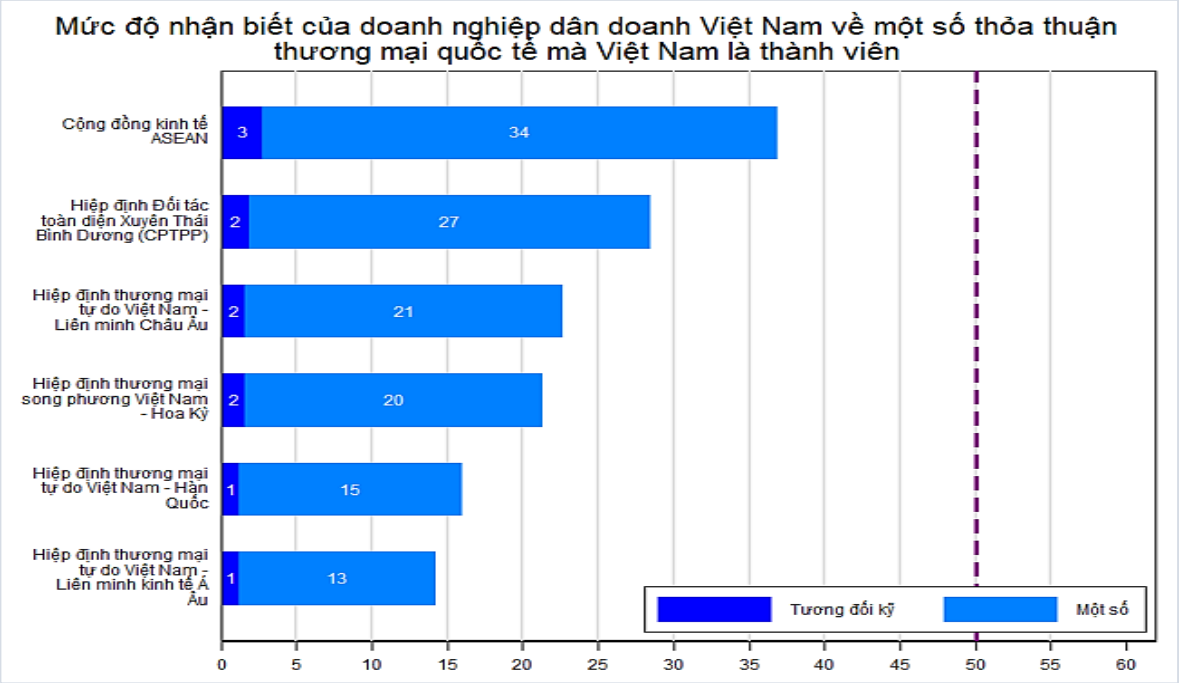

Nguồn: Điều tra PCI - VCCI, 3/2019

Cũng theo Khảo sát nói trên, phần lớn doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế nói chung, hội nhập FTA nói riêng. Cụ thể, ngoại trừ các vấn đề về cải thiện điều kiện lao động – có 58% cho biết có thể dễ dàng (hoặc rất dễ dàng) đáp ứng các yêu cầu này), ở tất cả các khía cạnh được khảo sát (đầu tư cho nhân lực, công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu môi trường, yêu cầu nội địa hóa…), tỷ lệ các doanh nghiệp cho rằng khó hoặc rất khó để đáp ứng các yêu cầu này đều chiếm đa số (54-62%).

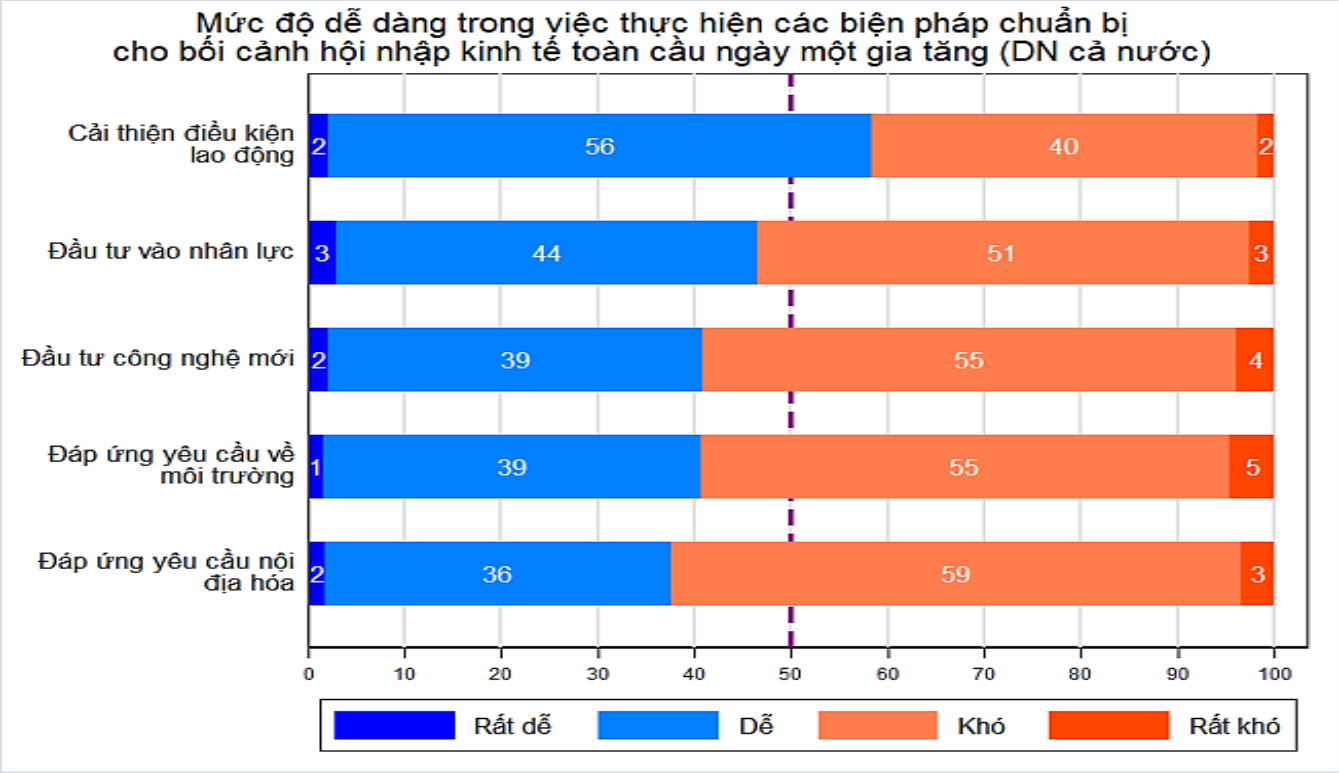

Nguồn: Điều tra PCI - VCCI, 3/2019

4.2. Các khó khăn, vướng mắc cản trở doanh nghiệp tận dụng FTA

Theo Điều tra của VCCI với 250 phản hồi của doanh nghiệp trong 04 ngành sản xuất (dệt may, giày dép, đồ gỗ, điện tử) công bố 4/2016, hai yếu tố lớn nhất cản trở doanh nghiệp hưởng lợi từ các FTA lần lượt là tình trạng thiếu thông tin về cam kết và cách thức thực hiện (84%) và bất cập trong công tác tổ chức thực thi của các cơ quan quản lý Nhà nước. Những vấn đề thuộc về năng lực của doanh nghiệp (năng lực cạnh tranh kém, khó đáp ứng quy tắc xuất xứ và cam kết bất lợi) cũng rất lớn, nhưng vẫn xếp sau các yếu tố gắn với hành động của cơ quan Nhà nước.

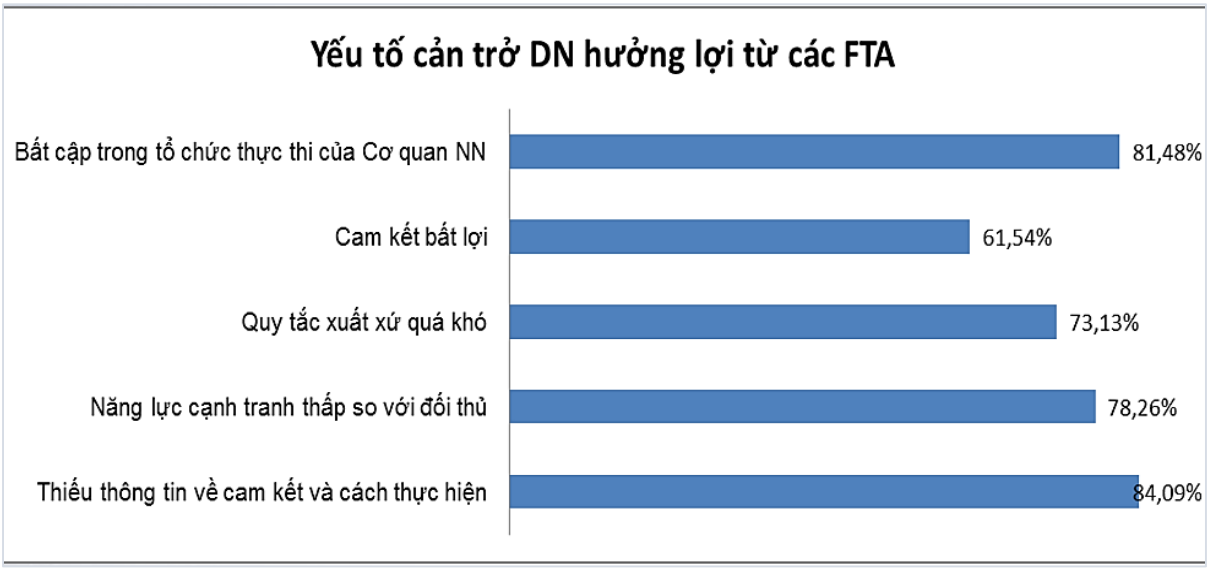

Nguồn: Điều tra VCCI, 4/2016

Các quan sát của VCCI từ thực tiễn hoạt động liên quan tới thực hiện các FTA thời gian qua vẫn cho thấy các vướng mắc chính của doanh nghiệp trong việc tìm hiểu và chuẩn bị để thực thi các FTA chủ yếu gồm:

Từ góc độ cơ quan Nhà nước

- Việc xử lý, giải quyết các trường hợp đặc thù, vướng mắc thực tiễn phát sinh trong quá trình thực thi các cam kết về quy tắc xuất xứ của các cơ quan Nhà nước liên quan còn chậm, thiếu linh hoạt
- Có bất cập trong việc xác định mã HS của hàng hóa giữa Việt Nam và nước nhập khẩu/xuất khẩu
- Cam kết quá phức tạp, khó hiểu trong khi không có một đầu mối để giải thích chính thức nào cho doanh nghiệp, đặc biệt khi có khác nhau trong cách hiểu, giải thích cam kết giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và nhà đầu tư
- Thiếu thông tin chính xác, đầy đủ về một số cam kết, ví dụ về nội dung cam kết, thời điểm có hiệu lực của cam kết (ví dụ các Gói mở cửa dịch vụ, các Thư song phương giữa Việt Nam với đối tác trong CPTPP,…)
- Các hội nghị hội thảo về các cam kết FTA hầu hết chỉ có nội dung chung chung, trong khi Cơ quan Nhà nước không có tài liệu giải thích hay hướng dẫn cụ thể về các cam kết mà doanh nghiệp quan tâm
- Trong quá trình thực thi các cam kết, nếu gặp vướng mắc, doanh nghiệp không biết đầu mối nào để giải quyết hoặc được tư vấn chính thức
- Các số liệu, dữ liệu thống kê, nghiên cứu thị trường và các thông tin cần thiết, hữu ích khác cho việc tiếp cận thị trường, tận dụng cơ hội từ các FTA

hay cho việc nghiên cứu tìm giải pháp thúc đẩy việc tận dụng các cam kết không được các cơ quan Nhà nước liên quan công khai rộng rãi

Nguyên nhân của các bất cập nói trên:

- Nội dung phổ biến, tuyên truyền về các FTA của các cơ quan Nhà nước còn chung chung, chưa đi vào các vấn đề cụ thể mà doanh nghiệp quan tâm, cách thức hướng dẫn khó hiểu, phức tạp
- Thiếu các đầu mối tư vấn, phản hồi, giải thích về các FTA tại các cơ quan Nhà nước liên quan
- Tình trạng thiếu minh bạch, những nhiễu, bất hợp tác, quan liêu của một số cán bộ, các cơ quan Nhà nước
- Những hạn chế cố hữu trong pháp luật và môi trường kinh doanh

Từ góc độ doanh nghiệp

Các yếu tố chủ yếu cản trở doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA bao gồm:

- Không biết về các cam kết, các cơ hội, thách thức từ các FTA với hoạt động sản xuất kinh doanh của mình
- Không có hành động chuẩn bị nào cho việc tận dụng cơ hội hay dự phòng các rủi ro từ việc thực thi các FTA
- Không có năng lực cạnh tranh đủ để tiếp cận thị trường FTA
- Thiếu nguồn lực để đầu tư khắc phục các bất cập trong năng lực cạnh tranh

Nguyên nhân của tình trạng này:

- Sự thiếu chủ động của doanh nghiệp
- Thiếu nguồn thông tin chi tiết về các vấn đề mà doanh nghiệp cần biết hoặc xử lý các vấn đề vướng mắc mà doanh nghiệp gặp phải
- Môi trường kinh doanh chưa thuận lợi, chưa minh bạch, chi phí kinh doanh quá lớn
- Thiếu những hỗ trợ chính sách bền vững từ Chính phủ (về lao động, về tiếp cận vốn ổn định, về công nghiệp phụ trợ…)

5. Kiến nghị, đề xuất giải pháp

5.1. Với Quốc hội

Cộng đồng doanh nghiệp kiến nghị Quốc hội chú ý tới các vấn đề sau:

- Yêu cầu Chính phủ định kỳ báo cáo về các kết quả thực thi, so sánh với các dự báo đánh giá thời điểm phê chuẩn, so sánh với kế hoạch tổng thể thực thi, nhận diện bất cập, nguyên nhân và các giải pháp xử lý
- Định kỳ rà soát lại các khung khổ pháp luật và có điều chỉnh, cập nhật chương trình lập pháp để đáp ứng các yêu cầu trong thực hiện EVFTA

5.2. Với Chính phủ

Cộng đồng doanh nghiệp kiến nghị Chính phủ xem xét:

- Thiết lập một đầu mối cấp Chính phủ về các FTA để cung cấp thông tin và xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các FTA, đặc biệt trong các trường hợp liên quan tới nhiều bộ ngành, lĩnh vực, địa phương;
- Xây dựng và công khai Báo cáo tổng kết hàng năm về tình hình thực thi các FTA (kết quả, hạn chế bất cập, nguyên nhân, giải pháp xử lý)
- Chỉ đạo các Bộ ngành, địa phương tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ và thực chất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí kinh doanh, góp phần giải phóng nguồn lực và năng lực sáng tạo, kinh doanh, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp
- Có giải pháp triệt để cải thiện các nút thắt về (i) cơ sở hạ tầng; (ii) chất lượng, năng suất lao động; (iii) khả năng tiếp cận vốn (đặc biệt trong giai đoạn hậu Covid)

5.3. Với các Bộ, ngành trung ương

- *Kiến nghị chung*

- Cần có đầu mối thông tin, giải đáp vướng mắc, tư vấn về FTA trong lĩnh vực của bộ ngành
- Công khai (i) tất cả cam kết FTA (văn kiện chính thức, các văn kiện bổ sung/thư bên lề, thông tin về giá trị pháp lý, hiệu lực áp dụng của các cam kết, diễn biến đàm phán tiếp theo/nâng cấp/thỏa thuận sửa đổi…) trong lĩnh vực Bộ ngành phụ trách; (ii) Các tài liệu hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo, các nghiên cứu, các ấn phẩm, tài liệu khác về FTA mà Bộ ngành thực hiện
- Tham vấn doanh nghiệp và VCCI khi (i) rà soát tính tương thích của pháp luật hiện hành với các cam kết FTA, (ii) soạn thảo dự thảo VBQPPL sửa đổi hoặc mới nhằm nội luật hóa hoặc thực thi cam kết
- Kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện và tổ chức bộ máy, cơ chế để bảo đảm thực hiện các cam kết một cách thống nhất và hiệu quả đúng thời hạn cam kết;
- Có cách thức và thái độ xử lý kịp thời, linh hoạt, hợp lý, đồng hành cùng doanh nghiệp trước các vấn đề/vụ việc cụ thể phát sinh trong quá trình thực thi, chưa được quy định trong các văn bản hướng dẫn theo hướng bảo đảm tuân thủ cam kết và có lợi nhất cho doanh nghiệp

- *Về việc công khai thông tin dữ liệu*

Để phục vụ cho công tác tìm kiếm thông tin, hoạch định chiến lược kinh doanh, nghiên cứu thị trường của doanh nghiệp và các đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp, đề nghị:

- Bộ Công Thương công khai định kỳ số liệu về tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan của hàng hóa xuất khẩ0u theo từng FTA và từng nhóm mặt hàng (hiện Bộ mới chỉ công khai số liệu về tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan theo từng FTA)
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) công khai định kỳ:

  + Số liệu về tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan của hàng hóa nhập khẩu theo từng FTA và từng nhóm mặt hàng

  + Số liệu kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu với từng thị trường FTA theo từng nhóm mặt hàng (hiện mới chỉ công khai số liệu xuất nhập khẩu với một số thị trường lớn)
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư công khai định kỳ số liệu về:

  + Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam (trực tiếp và gián tiếp) theo từng nguồn đầu tư và từng lĩnh vực (hiện Bộ chỉ công bố số liệu riêng rẽ về vốn đầu tư theo nguồn, theo lĩnh vực nhưng không có số liệu kết hợp – ví dụ FDI từ Trung Quốc hiện đang đầu tư vào những lĩnh vực nào, tỷ trọng như thế nào)

  + Đầu tư ra nước ngoài theo từng nguồn đầu tư, lĩnh vực đầu tư

Trên đây là tóm tắt Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về kết quả việc thực hiện các FTA mà Việt Nam là thành viên theo yêu cầu của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội./